

GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI NẢY SINH TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2011- 2020

GS.TS. Hoàng Đức Thân

Đại học Kinh tế Quốc dân

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2020 của nước ta đã nêu rõ “Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược”. Một trong ba trụ cột của phát triển bền vững là bền vững ở khía cạnh xã hội. Nhiều vấn đề xã hội sẽ nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện chiến lược. Bài viết này tập trung vào 7 vấn đề trọng tâm: Nghèo đói và bình đẳng trong phát triển thu nhập, phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; chất lượng giáo dục và đào tạo; phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội; phát triển chênh lệch giữa các vùng, miền; tham nhũng và các tệ nạn xã hội; Những vấn đề nảy sinh từ quá trình đô thị hoá.

1. Những vấn đề xã hội nảy sinh trong giai đoạn 2011- 2020

1.1. Vấn đề nghèo đói và bình đẳng trong phân phối thu nhập

Nghèo đói là hệ quả của rất nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan. Đói nghèo có thể do không có điều kiện tiếp cận với các cơ hội việc làm, do không được hưởng điều kiện thuận lợi từ cơ sở hạ tầng xã hội đem lại, sống ở những khu vực điều kiện tự nhiên khó khăn, thường xuyên gặp thiên tai, nạn dịch, rủi ro. Ở Việt Nam trong những năm trước 1975, đói nghèo còn do hậu quả của chiến tranh.

Việt Nam đã đạt được mục tiêu thiên niên kỷ về giảm nghèo từ năm 2004, trước 10 năm so với cam kết. Xóa đói giảm nghèo được coi là một trong những thành công lớn nhất của quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong 25 năm đổi mới. UNDP đã đánh giá Việt Nam là một trong những nước điển hình trong việc thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ về giảm nghèo.

Theo kết quả từ cuộc khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010 của tổng cục thống kê cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước đã giảm từ 18,1% năm 2004, xuống 15,5% năm 2006, 13,4% năm 2008 và còn 10,7% năm 2010. Tuy các chuẩn nghèo khác nhau sẽ đưa ra các tỷ lệ khác nhau về đói nghèo nhưng theo khảo sát thì tình trạng đói nghèo ở Việt Nam vẫn duy trì được chiều hướng ngày càng giảm (xem bảng 1).

Trái với xu hướng giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua đi kèm với xu hướng gia

tăng bất bình đẳng mặc dù trong những năm gần đây có chững lại. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo trong 10 năm tới chắc chắn sẽ còn nhiều gian nan. Vấn đề cần giải quyết là thực hiện xóa đói giảm nghèo vững chắc; nghèo đói vẫn tập trung ở các vùng nông thôn, phần lớn người dân tộc thiểu số là người nghèo, bảo đảm người nghèo phải được hưởng lợi nhiều từ kết quả tăng trưởng kinh tế; thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập.

1.2. Vấn đề phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm qua đã đem lại những thay đổi quan trọng đối với lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được mở rộng đã tạo điều kiện cho tất cả người dân có thể tiếp cận với các dịch vụ khám, chữa bệnh. Xã hội hoá trong lĩnh vực y tế đã thu được những kết quả quan trọng.

Đổi mới về phân cấp ngân sách nhà nước, chính sách thu viện phí, bảo hiểm y tế đã có tác động tích cực đến việc huy động các nguồn vốn cho lĩnh vực y tế. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, với mức thu nhập bình quân đầu người và chi tiêu y tế ở các nước khác, tổng chi tiêu y tế của Việt Nam tương đương với các nước phát triển trong khu vực. Nhờ thành tựu phát triển kinh tế và những thành quả trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, những chỉ tiêu về sức khỏe người dân Việt Nam được nâng cao rõ rệt trong những năm qua xem (bảng 2).

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe của nhân dân đang và sẽ đặt ra những vấn đề cần giải

Bảng 1: Tỷ lệ hộ nghèo chia theo thành thị nông thôn, vùng và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Đơn vị tính: %

	2004	2006	2008	2010	2010
CẢ NƯỚC	18.1	15.5	13.4	10.7	14.2
Thành thị - Nông thôn					
Thành thị	8.6	7.7	6.7	5.1	6.9
Nông thôn	21.2	18	16.1	13.2	17.4
8 vùng					
Đồng bằng sông Hồng	12.9	10.1	8.7	6.5	8.4
Đông Bắc	23.2	22.2	20.1	17.7	24.2
Tây Bắc	46.1	39.4	35.9	32.7	39.4
Bắc Trung Bộ	29.4	26.6	23.1	19.3	24
Duyên hải Nam Trung Bộ	21.3	17.2	14.7	12.7	16.9
Tây Nguyên	29.2	24	21	17.1	22.2
Đông Nam Bộ	6.1	4.6	3.7	2.2	3.4
Đồng bằng sông Cửu Long	15.3	13	11.4	8.9	125.6

Nguồn: Tổng cục Thống kê - Khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010

quyết. Đó là, chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực y tế còn thấp cả về tuyệt đối lẫn tương đối; phạm vi bao phủ của chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo và chính sách bảo hiểm y tế tự nguyện, vấn đề chất lượng chăm sóc sức khỏe toàn dân nhất là ở nông thôn, miền núi; tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng cao của nhân dân; tình trạng quá tải ở các

bệnh viện công.

1.3. Vấn đề chất lượng giáo dục và đào tạo

Trong kinh tế thị trường ở nước ta, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng không chỉ có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, mà còn góp phần quan trọng trong

Bảng 2. So sánh một số chỉ tiêu về y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân Việt Nam và các nước trong khu vực

	Tuổi thọ bình quân		Tỷ lệ tiêm chủng ở trẻ 12-23 tháng tuổi (%)		Tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi (%)		Tỷ lệ dân số sử dụng nước đã qua xử lý (%)		Tỷ lệ dân số thành thị có hệ thống xử lý vệ sinh (%)	
	2000	2007	2000	2006	2000	2007	2000	2006	2000	2006
Cambodia	56	60	65	78	106	91	38	65	51	62
Myanmar	60	62	84	78	110	103	71	80	74	85
Lào	61	65	42	48	101	70	46	60	57	87
Thái Lan	68	69	94	96	13	7	97	98	94	95
Indonesia	68	71	72	80	48	31	77	80	69	67
Philippines	70	72	80	92	37	28	90	93	78	81
Trung Quốc	71	73	85	93	37	22	80	88	69	74
Việt Nam	72	74	97	93	30	15	77	92	78	88
Malaysia	73	74	88	90	14	11	98	99	95	95
Singapore	78	80	96	93	4	3	100	100	100	100
Nhật Bản	81	83	96	98	4	4	100	100	100	100

Nguồn: WB (2009)

việc bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội một cách bền vững. Được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước trong những năm qua đầu tư cho giáo dục cả con người và cơ sở vật chất kỹ thuật đã được tăng lên. Trong giai đoạn 2001 – 2010, hệ thống giáo dục quốc dân được đa dạng hoá cả giáo dục phổ thông và đào tạo cao đẳng, đại học. Quy mô giáo dục, đào tạo tăng nhanh, tạo cơ hội học tập cho mọi người. Công bằng xã hội trong giáo dục về cơ bản được đảm bảo thông qua đầu tư xoá bỏ trường, lớp tạm, xây dựng các trường dân tộc nội trú và bán trú. Công tác xã hội hoá giáo dục đem lại kết quả bước đầu. Sự phát triển nhanh chóng của các cơ sở giáo dục, đào tạo từ trung cấp đến cao đẳng, đại học cùng với việc tăng chi phí ngân sách giáo dục và đào tạo đã làm tăng tỷ lệ lao động được đào tạo. Sự phát triển giáo dục đào tạo trong những năm qua đã làm thay đổi đáng kể về cơ cấu dân số chia theo trình độ học vấn cũng như trình độ chuyên môn kỹ thuật của cả nước (xem bảng 3).

Hạn chế, thách thức đối với chất lượng giáo dục và đào tạo ở nước ta đang đặt ra những vấn đề lớn phải giải quyết trong giai đoạn tiếp theo. Đó là, nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo; chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; phát triển hệ thống đào tạo các cấp cân đối, hài hoà; đầu tư cho giáo dục, đào tạo có hiệu quả; cải cách hệ thống giáo dục.

1.4. Vấn đề phát triển chênh lệch giữa các vùng miền

Một trong những nguy cơ của kinh tế thị trường là tình trạng “sa mạc hoá trong kinh tế”. Những vùng phát triển sẽ hút nguồn lực từ các vùng khác. Kết quả vùng phát triển càng phát triển nhanh, vùng bị thu hút nguồn lực sẽ nghèo kiệt, chậm phát triển, hoang sơ. Nhận thức được vấn đề này, trong những năm qua Đảng và Nhà nước, một mặt có các chính sách phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm, mặt khác có chính sách đầu tư để giảm bớt khoảng cách các vùng miền. Nhờ chính sách đầu tư và khuyến khích đầu tư, các vùng kém phát triển đã bắt đầu tăng tốc để từng bước giảm chênh lệch với các vùng phát triển.

Qua số liệu ở bảng 1 và bảng 4 cho thấy, mặc dù đã có những tiến bộ nhất định trong thời gian gần đây, nhưng sự mất cân bằng phát triển vùng đã trở nên sâu sắc khi trong một thời gian dài tăng trưởng tập trung chủ yếu ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ. Vai trò của hai vùng này đã tăng lên trong 10 năm qua trong đóng góp tăng trưởng kinh tế của cả nước. Trong khi đó, các vùng

khác đã thụt lùi về phía sau. Khảo sát thực tế đã cho thấy các vùng kém phát triển như Tây Nguyên, Đồng Bằng sông Cửu Long có tỷ lệ nghèo đói cao hơn nhiều vùng đồng Bằng Sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ.

Khoảng cách chênh lệch phát triển giữa các vùng có nhiều lý do như lịch sử, địa lý, kết cấu hạ tầng... nhưng nguyên nhân cơ bản là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm giữa các vùng đã làm hạn chế khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng. Vấn đề thu hút đầu tư và nguồn lực đầu tư hạn chế cũng là nguyên nhân làm một số vùng chậm phát triển. Nếu không có sự đổi mới mạnh mẽ cả cơ chế, chính sách và cơ cấu kinh tế từng vùng thì khả năng phát triển chênh lệch sẽ gia tăng trong giai đoạn tới.

1.5. Vấn đề phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội

Việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của phát triển kinh tế xã hội, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua không chỉ tác động đến kinh tế, xã hội mà còn tác động mạnh mẽ đến nhận thức và thực hành dân chủ, bảo đảm quyền con người. Sự ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng được giữ vững là những thành quả rất to lớn. Tuy nhiên, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hoá sở hữu, mở cửa hội nhập đã dẫn tới sự phân tầng xã hội, phân hoá giai cấp cả hợp thức và bất hợp thức. Đây là vấn đề xã hội cần được quan tâm đúng mức.

Nếu không được giải quyết hợp lý thì vấn đề phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội sẽ dẫn đến những xung đột xã hội, bất công xã hội, khủng hoảng niềm tin và có thể dẫn tới mất ổn định xã hội.

1.6. Vấn đề tham nhũng và các tệ nạn xã hội

Tham nhũng không phải vấn đề riêng có của quốc gia nào, đó là một căn bệnh của nhà nước. Ở nước ta, công tác phòng chống tham nhũng luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đây được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ đảng, chính quyền. Đồng chí Trương Tấn Sang đã nhấn mạnh trong Hội nghị tổng kết phòng, chống tham nhũng năm 2009 tại Hà Nội là: “Tham nhũng gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút niềm tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”.

Sau nhiều năm thực hiện nghị quyết trung ương 3 (khoá X), công tác phòng chống tham nhũng có nhiều chuyển biến, đạt kết quả tích cực. Trên một số

Bảng 3: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo bằng cấp cao nhất, thành thị nông thôn

Đơn vị tính: %

		Bằng cấp cao nhất													
		Chung	Chưa bao giờ đến trường	Không có bằng cấp	Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp nghề	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề	Công nhân kỹ thuật	Trung học chuyên nghiệp	Cao đẳng, đại học	Trên đại học	Khác
Cả nước															
		2006	100.0	8.1	14.5	24.0	28.7	12.6	-	-	3.3	4.3	4.4	0.1	-
		2008	100.0	7.5	13.5	23.1	27.9	14.1	3.2	1.8	0.3	3.3	5.1	0.1	-
		2010	100.0	6.0	14.3	22.7	27.1	14.0	3.5	2.1	0.3	3.5	6.4	0.2	0.04
Thành thị - Nông thôn															
Thành thị		2006	100.0	4.8	10.0	19.4	23.1	18.0	-	-	5.9	7.6	10.9	0.4	0.1
		2008	100.0	4.2	9.0	18.6	22.6	18.6	4.8	3.1	0.5	5.8	12.4	0.4	0.1
		2010	100.0	3.1	9.3	17.6	22.0	18.1	5.3	3.2	0.5	5.8	14.4	0.7	0.1
Nông thôn		2006	100.0	9.3	16.2	25.8	30.9	10.5	-	-	2.3	3.0	1.9	-	-
		2008	100.0	8.8	15.3	24.9	30.1	12.3	2.5	1.3	0.2	2.4	2.2	-	-
		2010	100.0	7.3	16.5	24.9	29.3	12.2	2.6	1.6	0.2	2.5	2.8	0.0	0.0

Nguồn: Tổng cục thống kê - khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010

**Bảng 4: Hệ số Gini chia theo thành thị nông thôn và vùng**

	2002	2004	2006	2008	2010
CẢ NƯỚC	0.42	0.42	0.424	0.434	0.433
Thành thị - Nông thôn					
Thành thị	0.41	0.41	0.393	0.404	0.42
Nông thôn	0.36	0.37	0.378	0.385	0.395
8 Vùng					
Đồng bằng sông Hồng	0.39	0.39	0.395	0.411	0.409
Đông Bắc	0.36	0.39	0.407	0.415	0.418
Tây Bắc	0.37	0.38	0.392	0.403	0.401
Bắc Trung Bộ	0.36	0.36	0.369	0.371	0.371
Duyên hải Nam Trung Bộ	0.35	0.37	0.373	0.38	0.393
Tây Nguyên	0.37	0.4	0.407	0.405	0.408
Đông Nam Bộ	0.42	0.43	0.422	0.423	0.424
Đồng bằng Sông Cửu Long	0.39	0.38	0.385	0.395	0.398

Nguồn: Tổng cục thống kê - khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010

lĩnh vực, tham nhũng đã có bước kiểm chế và có xu hướng giảm. Tuy nhiên, so với yêu cầu hiệu quả còn thấp, kết quả chưa đạt được như mong đợi. Tình hình tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng và diễn biến phức tạp, là vấn đề mà xã hội quan tâm, bức xúc nhất hiện nay. Cuộc chiến chống tham nhũng còn gay go, quyết liệt và thường xuyên, lâu dài.

Phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, xuất hiện nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Cuộc chiến chống tội phạm và tệ nạn xã hội cũng phức tạp và rất cam go.

1.7. Những vấn đề xã hội nảy sinh từ quá trình đô thị hoá

Đô thị hoá là quá trình tất yếu của phát triển kinh tế xã hội. Đô thị hoá vừa là kết quả vừa là động lực của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tại Việt Nam, tỷ lệ đô thị hoá hiện nay là 30,4% với dân số đô thị khoảng 27 triệu người và tỷ lệ này dự kiến sẽ tăng lên 50% vào năm 2040. Đóng góp gần 70% trong tổng GDP cả nước hiện nay, các đô thị Việt Nam đang đóng vai trò động lực trong phát triển kinh tế. Quá trình đô thị hoá có những tác động tích cực, nhưng cũng tạo ra những tiêu cực, thách thức lớn. Theo tiến sỹ Vương Cường, những tác động tích cực của đô thị hoá là:

Thứ nhất, Quá trình đô thị hoá đã cung cấp một lực lượng lao động lớn, trẻ, có trình độ.

Thứ hai, Góp phần giải quyết công ăn, việc làm, làm giảm bớt lao động dư thừa hiện nay.

Thứ ba, đô thị hoá đã góp phần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai.

Thứ tư, Đô thị hoá tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh hơn.

Thứ năm, Đô thị hoá tạo điều kiện giao lưu và giữ gìn văn hoá các vùng miền, làm phong phú hơn văn hoá dân tộc, tiếp thu văn hoá hiện đại.

Thứ sáu, Đô thị hoá tạo điều kiện cải biến con người thuần nông sang người thành thị có tính công nghiệp cao hơn từ những người nông dân với nền sản xuất lúa nước, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hoá cũng gây ra các tác động tiêu cực và đặt ra nhiều thách thức. Đó là, tình trạng nông dân mất đất và không có việc làm; ô nhiễm môi trường ở các đô thị; áp lực giao thông đô thị và tình trạng ùn tắc giao thông; vấn đề bất bình đẳng trong thu nhập; vấn đề an ninh lương thực khi diện tích nông nghiệp bị thu hẹp; tình trạng thiếu nhà ở...

2. Giải pháp khắc phục những vấn đề xã hội nảy sinh trong chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011- 2020

2.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội nhằm bảo đảm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội

Các chính sách xã hội có tác động trực tiếp, toàn diện đến các vấn đề đã nêu ở trên. Cần xây dựng đồng bộ các chính sách xã hội, có tầm nhìn dài hạn

trong hoạch định chính sách xã hội và gắn với quá trình phát triển kinh tế. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách xã hội cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định mục tiêu xã hội bền vững của từng chính sách cũng như tổng thể các chính sách xã hội.
- Tập trung đầu tư và hỗ trợ các vùng có nhiều khó khăn, các đối tượng dễ bị tổn thương trong quá trình phát triển kinh tế.
- Khuyến khích thu hút mọi nguồn lực cho phát triển việc làm, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe. Tăng đầu tư của nhà nước kết hợp với xã hội hoá từng lĩnh vực xã hội.
- Tăng tính thực thi của chính sách và bảo đảm sự minh bạch, ổn định, đồng bộ của chính sách.

2.2. Giải pháp xoá đói, giảm nghèo và công bằng trong phân phối thu nhập

Xây dựng các chương trình xoá đói giảm nghèo trên cơ sở huy động mọi nguồn lực của nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân và vận động tài trợ quốc tế. Trong quá trình thực hiện, vai trò của nhà nước là rất quan trọng, nhà nước tập trung các nguồn lực đầu tư giúp các khu vực khó khăn thoát nghèo đói, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và vận động quốc tế tăng cường đầu tư xoá đói, giảm nghèo.

Tuyên truyền vận động, hỗ trợ người dân tự lực, tự cường vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Đào tạo nghề, hướng nghiệp cho nông dân và nhân rộng các điển hình là vấn đề rất có ý nghĩa trong công tác xoá đói, giảm nghèo.

Chuyển dịch mạnh mẽ lao động ở nông thôn sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn. Thực hiện có hiệu quả phương châm “ly nông nhưng không ly hương”. Đổi mới cơ chế, chính sách tái phân phối để đảm bảo công bằng trong phân phối thu nhập, các đối tượng nghèo cần được hưởng lợi nhiều hơn từ tăng trưởng kinh tế.

Tiếp tục mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống an sinh xã hội. Điều chỉnh mức trợ cấp xã hội cho các đối tượng yếu thế.

Thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt cho những người có công, gia đình thương binh, gia đình liệt sĩ. Trợ giúp nhà ở, nước sạch, trường học, bệnh viện, đường sá cho các xã nghèo.

2.3. Giải pháp về y tế và chăm sóc sức khoẻ con người

Tăng mức đầu tư cho y tế từ ngân sách nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng... Đầu tư phát triển hệ thống bệnh viện công và đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực y tế. Ngành y tế cần có chiến lược tăng chất lượng dịch vụ y tế và nâng cao chuẩn mực đạo đức của đội ngũ cán bộ y tế.

Tăng cường năng lực hệ thống y tế tuyến xã, huyện để giảm chênh lệch về tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng và nhóm dân cư.

Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chủ động đối phó với các dịch bệnh ở người. Tăng cường đầu tư để bảo đảm tự sản xuất được thuốc thiết yếu cho phòng, chữa bệnh. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao và giáo dục thể chất. Giảm gia tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ suy sinh dưỡng ở trẻ em.

2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục và đào tạo là nhân tố quyết định thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2020.

Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo. Cải cách giáo dục toàn diện nhằm làm cho hệ thống giáo dục gắn kết với yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam cùng với đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Kiên quyết giảm hợp lý nội dung chương trình học cho phù hợp với tâm sinh lý của học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo.

Tăng cường hợp tác với nước ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nghề; khuyến khích tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên ra nước ngoài học tập, đi đôi với tăng cường quản lý công tác lưu học sinh.

Tăng đầu tư cho giáo dục bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tăng lên; đồng thời huy động nhiều hơn, tốt hơn sức dân thông qua đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

2.5. Giải pháp khắc phục phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội

Phát huy dân chủ và bảo đảm các quyền hợp pháp của con người. Nghiên cứu và có giải pháp hợp lý

cho vấn đề lợi ích nhóm và tác động của nó đến kinh tế xã hội của đất nước.

Tập trung giải quyết các vấn đề gây bức xúc trong xã hội. Công khai, minh bạch các vấn đề chính trị xã hội có tính thời đại để mọi người được chia sẻ thông tin, đóng góp ý kiến và tạo ra đồng thuận xã hội.

Phát triển hệ thống thông tin đa chiều, có định hướng. Tăng tính phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan quản lý.

Xây dựng xã hội tiến bộ công bằng dân chủ và văn minh, ưu tiên mục tiêu ổn định và bền vững xã hội.

2.6. Giải pháp khắc phục phát triển chênh lệch giữa các vùng miền

Bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế hợp lý của các vùng đầu tàu hiện nay, có thể giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế nóng của các vùng này. Nâng cao hiệu quả phân bổ các nguồn lực đầu tư giữa các vùng trên cơ sở khai thác lợi thế của từng vùng. Quy hoạch và tăng đầu tư phát triển các khu kinh tế mới, cải thiện kết cấu hạ tầng, phát triển các vành đai kinh tế ở các vùng ven biển và cửa khẩu tạo ra các “hạt nhân” thúc đẩy sự phát triển toàn vùng; quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông, đô thị tạo động lực cho phát triển và giao lưu giữa các vùng; tạo môi trường và điều kiện hấp dẫn thu hút đầu tư vào các vùng chậm phát triển.

2.7. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng và tệ nạn xã hội

Để giảm thiểu và đẩy lùi tệ tham nhũng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, phải kiên quyết và xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các vụ việc vi phạm.

Thứ hai, nâng cao chất lượng cải cách hành chính và hệ thống chính trị; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách đầy đủ, đồng bộ, minh bạch.

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng và các cơ quan thông tin đại chúng.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tự giáo dục đạo đức cách mạng trong xã hội,

đặc biệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, những người làm công tác quản lý.

Thứ năm, tăng cường hiệu lực của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương và địa phương; các Ban phòng chống tham nhũng phải đủ mạnh, thực quyền và có sự phối hợp với cơ quan điều tra, pháp luật để xem xét, giải quyết các vụ tham nhũng lớn.

Thứ sáu, để nâng cao hiệu quả của chống tham nhũng, phải có cơ chế bảo vệ và khen thưởng người tố cáo hành vi tham nhũng, làm ăn phi pháp.

Cùng với đấu tranh chống tệ tham nhũng, cần tiếp tục đẩy mạnh và đấu tranh một cách có hiệu quả đối với các loại tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội. Nhiều tệ nạn xã hội ở nước ta trong thời gian qua đã huỷ hoại một phần lực lượng lao động xã hội, tiêu phí một lượng của cải vật chất vốn rất cần cho sự tích lũy để tái sản xuất, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự... Rõ ràng là các tệ nạn xã hội đã cản trở tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện công bằng xã hội. Cần kết hợp chặt chẽ các giải pháp về luật pháp, hành chính và tuyên truyền vận động mới giải quyết tận gốc vấn đề.

2.8. Giải pháp khắc phục các vấn đề xã hội nảy sinh từ quá trình đô thị hoá

Xây dựng và thực hiện quy hoạch, chiến lược phát triển đô thị, mạng lưới đô thị Việt Nam giai đoạn 2011– 2020, tầm nhìn đến 2050.

Nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền đô thị. Bảo đảm phát triển đô thị bền vững gắn với vấn đề xử lý rác thải, khu công nghiệp, vệ sinh môi trường, phát triển cây xanh.

Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị với tầm nhìn dài hạn và trong mối quan hệ với những vấn đề xã hội đô thị.

Giải quyết những vấn đề xã hội nảy sinh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế xã hội nước ta giai đoạn 2011– 2020. Nó đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ các giải pháp và phát huy tính tích cực của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. □

Tài liệu tham khảo:

1. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2020.
2. TS. Vương Cường – Đô thị hoá tác động hai mặt, VnWel.com
3. Thủ tướng. Nguyễn Tấn Dũng - Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.
4. Đề tài nhà nước KX04 19/06/2010 và các đề tài nhánh.
5. Tổng cục thống kê: Một số kết quả chủ yếu từ khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010.